TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023.
V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Văn

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Trọng D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp CD, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

- Bị đơn*:* Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

(Anh D và chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2023 và các biên bản làm việc, nguyên đơn anh Đỗ Trọng D trình bày:

Anh và chị Võ Thị Kim N chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ tuyên bố và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện GD vào năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp CD, xã HT, huyện GD.

Vào năm 2022 mẹ vợ anh bị gãy tay nên chị N về chăm sóc được một thời gian, sau đó chị N về nhà anh lấy quần áo rồi bỏ đi theo người khác cho đến nay, nhiều lần anh tìm kiếm nhưng không gặp, sau thời gian vợ chồng ly thân, anh nhận thấy chị N không chung thủy với anh nên tình cảm anh dành cho chị N không còn. Do đó, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 người là cháu Đỗ Thị Kim C, sinh ngày 14-6-2021, khi chị N đi bỏ cháu C lại cho mẹ vợ nên anh đưa cháu C về nuôi dưỡng đến nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Võ Thị Kim N: Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ chị N để thu thập chứng cứ nhưng chị N không đến và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của anh D nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn anh D kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị N chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Trọng D đối với Võ Thị Kim N. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim C, sinh ngày 14-6-2021 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh D và chị N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào cùng năm 2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo vệ. Nay anh D có yêu cầu ly hôn với chị N Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh D: Theo anh D trình bày, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mẹ vợ bị gãy tay nên chị N về chăm sóc sau đó chị N về lấy quần áo rồi bỏ đi theo người khác cho đến nay, nhiều lần anh tìm kiếm nhưng không gặp. Đối với chị N nhiều lần Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ nhằm hòa giải mâu thuẫn để anh chị đoàn tụ nhưng chị N không đến, chứng tỏ không có thiện chí để đoàn tụ, anh D vẫn kiên quyết ly hôn. Cho thấy giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi không rõ lý do, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị N là phù theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 người là cháu Đỗ Thị Kim C, sinh ngày 14-6-2021.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh D: Hiện tại cháu C dưới 36 tháng tuổi tuy nhiên sau khi chị N bỏ nhà đi, cháu C được anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, phát triển bình thường. Chị N hiện không rõ sinh sống tại đâu nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh D là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Trọng D đối với chị Võ Thị Kim N. Anh D được ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Giao cho anh D có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Kim C, sinh ngày 14-6-2021. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025362 ngày 03-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã HT (40/2021);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Kim Quyên